

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mai

2/ Ông Trương Văn Lộc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Mỹ X, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Triệu Hồng P, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị Mỹ X trình bày:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/02/2017 và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị Mỹ X trình bày: Vào năm 2007 bà và ông Triệu Hồng P tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng hạnh P được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P thường xuyên đánh đập bà, đập phá tài sản. Nên bà đã khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Triệu Hồng P.

Về con chung: Giữa bà và ông P có hai con chung là cháu Triệu Hồng Bảo A và Triệu Hồng Bảo K – sinh ngày 20/12/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu. Đồng thời bà yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu là 3.600.000đ/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà trình bày việc cấp dưỡng nuôi con tùy khả năng ông P quyết định.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Triệu Hồng P trình bày:

Tại bản tự khai ngày 21/02/2017, ông Triệu Hồng P trình bày: Quá trình đi đến kết hôn đúng như bà Đoàn Thị Mỹ X đã trình bày. Cuộc sống vợ chồng hạnh P nhưng cũng có một số mâu thuẫn, ông có nóng tính đập phá đồ đạc. Ông mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để lo cho con nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 03/5/2017 và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Về con chung: Ông và bà X có hai con chung là cháu Triệu Hồng Bảo A và Triệu Hồng Bảo K – sinh ngày 20/12/2011. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CGiờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Bà Đoàn Thị Mỹ X và ông Triệu Hồng P có tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Hôn nhân giữa bà và ông P hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, đăng ký ngày 24/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống thường xảy ra cự cãi, ông P thường hay nóng giận, đập phá tài sản của bà X, dẫn đến hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc xin ly hôn của bà X là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Cháu Triệu Hồng Bảo K và cháu Triệu Hồng Bảo A là hai cháu song sinh cùng ngày 20/12/2011 hiện nay đang sống chung cùng ông bà nội và ông P. Do bà X vừa học vừa làm, không có nhiều thời gian nên từ nhỏ

chủ yếu do ông bà nội và ông P chăm sóc. Về điều kiện kinh tế, ông P đáp ứng tốt hơn vì ngoài thu nhập hàng tháng ông P còn thu nhập khác từ hoạt động xây dựng trang trại chăn nuôi. Nhận thấy hai cháu Triệu Hồng Bảo K và Triệu Hồng Bảo A nên được giao cho ông Triệu Hồng P nuôi dưỡng để đảm bảo tốt về thể chất và tinh thần, ghi nhận ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Mỹ X có đơn xin ly hôn đối với ông Triệu Hồng P cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này là tranh chấp xin ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Đoàn Thị Mỹ X tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Triệu Hồng P tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đơn khởi kiện thì bà Đoàn Thị Mỹ X trình bày bà và ông Triệu Hồng P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 119, đăng ký ngày 24/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa bà X và ông P được pháp luật công nhận.

Bà Đoàn Thị Mỹ X khởi kiện xin ly hôn với ông Triệu Hồng P. Ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về quan hệ con chung: Bà X và ông P trình bày có hai con chung là cháu Triệu Hồng Bảo A và Triệu Hồng Bảo K là hai trẻ song sinh cùng ngày 20/12/2011. Bà X yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu, việc cấp dưỡng nuôi con chung tùy vào khả năng của ông P quyết định. Ông P cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh được biết từ trước đến nay ông P và bà X sống chung với gia đình ba mẹ chồng, sau đó thì ông P được cha mẹ ruột cho căn nhà. Hàng ngày sau khi đi làm bà X

còn đi học. Bà X trước đây công tác tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó thì bà liên tiếp tham gia các khóa học theo nhu cầu công việc tại đơn vị công tác nên thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu hạn chế. Chủ yếu các cháu ở nhà với ông P và mẹ ruột của ông. Hiện nay mặc dù bà đang công tác tại Công an huyện C nhưng gia đình cha mẹ ruột của bà ở tỉnh Tiền Giang nên bà chưa có chỗ ở ổn định tại huyện C. Về điều kiện kinh tế cả hai vợ chồng đều công tác tại Công an huyện C, thu nhập ổn định tuy nhiên ông P có xây dựng chặn nuôi tại nhà để tăng thu nhập. Đồng thời ông P ở gần cha mẹ ruột nên có thêm sự hỗ trợ từ gia đình thuận lợi hơn cho việc nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu.

Việc quyết định giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con. Do hai cháu được sinh đôi nên không thể giao riêng từng cháu cho ba, mẹ. Bà X mặc dù có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu. Nhưng xét về điều kiện chỗ ở, kinh tế và môi trường sống ổn định của các cháu từ khi sinh ra đến nay Hội đồng xét xử nhận thấy giao hai cháu A và K cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Mỹ X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Mỹ X và ông Triệu Hồng P.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Triệu Hồng Bảo A - sinh ngày 20/12/2011 và Triệu Hồng Bảo K - sinh ngày 20/12/2011 cho ông Triệu Hồng P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của ông P về việc không yêu cầu bà Đoàn Thị Mỹ X cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2/ Về án phí:

Bà Đoàn Thị Mỹ X phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai số AC/ 2011/05281 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)**

Bùi Trọng Nghĩa

